

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST
Ngày: 04-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thới

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Bích Loan
2. Ông Nguyễn Ngọc Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 41/2022/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh L.

Bị đơn: Bà Mai Cẩm H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh L.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22/5/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H1 trình bày:

Bà và bà Mai Cẩm H là hàng xóm với nhau nên tin tưởng nên cho bà H vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 01/01/2022, bà H vay 30.000.000 đồng. Ngày 16/01/2022, bà H vay 50.000.000 đồng. Ngày 25/01/2022, bà H vay 50.000.000 đồng. Lãi suất theo

thỏa thuận là 2%/tháng. Tổng số tiền bà H đã vay là 130.000.000 đồng. Theo các giấy nợ, hai bên không xác định thời hạn trả nợ nhưng có thỏa thuận miệng khi nào nguyên đơn cần sẽ yêu cầu bị đơn thanh toán nên ngày 04/5/2022, nguyên đơn có yêu cầu Ban hòa giải ấp 9, xã L, huyện B tiến hành hòa giải giữa hai bên, thì bị đơn đồng ý hoàn trả số tiền vay nêu trên nhưng xin trả dần hàng tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Từ khi vay cho đến nay, bà H chỉ trả tiền lãi cho bà được 02 tháng với số tiền 5.200.000 đồng rồi ngưng không trả tiền gốc và lãi. Bà H1 đã có Thông báo nhắc nợ và nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không thực hiện và kéo dài cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H1 xác định, chỉ cho bà H vay nên khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Mai Cẩm H trả lại số tiền gốc còn nợ là 130.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 25/4/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 04/8/2022 theo mức lãi suất Nhà nước quy định. Đồng thời, bà đồng ý điều tiết phần tiền lãi đã nhận là 02 tháng vượt mức lãi suất quy định và khấu trừ vào phần tiền gốc. Ngoài ra, bà H1 không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Mai Cẩm H trình bày:

Theo Bản tự khai ngày 10/6/2022, bà H không đồng ý với phần trình bày của bà H1 về mức lãi suất cho vay là 2%/tháng với thời hạn cho vay từ năm 2022. Thực tế bà H1 cho bà vay với mức lãi suất là 10%/tháng và thời gian cho vay là khoảng từ các ngày 01/5/2021, ngày 16/5/2021 và ngày 25/5/2021. Mỗi tháng bà phải trả tiền lãi cho bà H1 với số tiền là 13.000.000 đồng đến hết tháng 3/2022 với số tiền là 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi bà trả tiền lãi cho bà H1, thì hai bên không làm biên nhận và cũng không ai biết việc bà trả tiền lãi cho bà H1 nên bà không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Sau đó, bà H1 yêu cầu bà phải làm giấy nợ lại, chính là giấy nợ mà bà H1 dùng để khởi kiện “*Giấy cam kết mượn tiền các ngày 01/01/2022, 16/01/2022 và ngày 25/01/2022*”. Đồng thời, bà khẳng định từ tháng 4/2022, thì bà không trả tiền lãi cho bà H1 nữa vì bà H1 đã nộp đơn khởi kiện.

Hiện tại, bà H xác định số tiền gốc còn nợ bà H1 là 130.000.000 đồng. Nay bà H1 khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc còn nợ một lần là 130.000.000 đồng, thì bà không đồng ý và đề nghị được trả dần hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ. Do hoàn cảnh rất khó khăn nên bà đề nghị Tòa án xin bà H1 xóa phần tiền lãi còn nợ. Ngoài ra, bà H không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: Giấy cam kết mượn tiền các ngày 01/01/2022, ngày 16/01/2022 và ngày 25/01/2022; Biên bản hòa giải tại Nhà văn hóa ấp 9, xã L ngày 04/5/2022; Thông báo nhắc nợ ngày 09/5/2022; Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của nguyên đơn.

Các đương sự xác định: Ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án

thu thập chứng cứ. Đồng thời, xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập ai hoặc đưa thêm ai khác vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” là đúng thẩm quyền.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; Qua diễn biến phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, thì có đủ cơ sở xác định:

Xét thấy, lời trình bày của bà Mai Cẩm H cho rằng đã thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim H1 số tiền vay 130.000.000 đồng:

Bà H1 cho rằng đã cho bà H vay số tiền tổng cộng là 130.000.000 đồng theo các các giấy nợ “*Giấy cam kết mượn tiền ngày 01/01/2022, ngày 16/01/2022, 25/01/2022*” không xác định thời gian trả. Bà H cũng thừa nhận hiện nay còn nợ bà H1 số tiền gốc là 130.000.000 đồng. Do đó, xác định bà H có vay của bà H1 số tiền là 130.000.000 đồng và hiện tại còn nợ bà H1 số tiền 130.000.000 đồng.

Theo Giấy cam kết mượn tiền các ngày 01/01/2022, ngày 16/01/2022, 25/01/2022 do bà H1 cung cấp, thì hai bên không thỏa thuận thời gian trả nên xác định đây là hợp đồng vay không xác định thời hạn. Bà H1 trình bày đã yêu cầu bà H trả tiền nhiều lần nhưng bà H không trả và cũng được hòa giải tại nhà Văn hóa ấp 9, xã Lương Hòa nhưng không thành. Do đó, bà H1 yêu cầu bà H thanh toán số tiền vay 130.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu tính tiền lãi:

Bà H1 trình bày đã cho bà H vay với lãi suất 2%/tháng. Bà H đã trả lãi cho bà H1 được 02 tháng, đến tháng 4/2022 thì không trả lãi nữa. Bà H trình bày đã vay tiền của bà H1 từ năm 2021 với lãi suất 10%/tháng và đã trả cho bà H1 được 10 tháng tiền lãi, tổng cộng 130.000.000 đồng nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H không có chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Bà H cũng thừa nhận từ tháng 4/2022 bà không trả lãi cho bà H1 nữa. Do đó, bà H1 yêu cầu tính lãi từ tháng 4/2022 đến ngày xét xử với lãi suất theo quy định của pháp luật là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, bà H đã trả lãi cho bà H1 với lãi suất 2%/tháng tức 24%/năm là vượt mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, cần khấu trừ phần tiền lãi mà bà H đã trả lãi vượt mức cho bà H1 vào phần tiền gốc còn nợ. Bà H cho rằng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được

trả dần cho bà H1 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi cho bà H1 nhưng không được phía bà H1 đồng ý.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H1 về việc yêu cầu bà Mai Cẩm H thanh toán số tiền gốc còn nợ 130.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất được pháp luật quy định từ tháng 4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/8/2022, sau khi khấu trừ tiền lãi bà H đã trả cho bà H1 02 tháng vượt mức lãi suất quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2]. Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn khởi kiện cá nhân bà Mai Cẩm H có nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng năm 2015 xác định bà H là bị đơn. Bà H1 xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập chồng bà H là ông Huỳnh Tấn L tham gia vụ án nên không đưa ông L vào tham gia vụ án.

Về nội dung tranh chấp:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[3.1]. Căn cứ vào “*Giấy cam kết mượn tiền các ngày 01/01/2022, ngày 16/01/2022 và ngày 25/01/2022; Biên bản hòa giải tại Nhà văn hóa ấp 9, xã Lương Hòa ngày 04/5/2022*” và theo lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử xác định bà H có ký tên vào các giấy cam kết mượn tiền và có vay nợ của bà H1 là có thật.

[3.2]. Theo nội dung của “*Giấy cam kết mượn tiền*”, thì hai bên đã thỏa thuận số tiền vay, không thỏa thuận thời gian thanh toán nhưng nguyên đơn đã Thông báo nhắc nợ, lãi suất hàng tháng nên Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án này.

[3.3]. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại Biên bản hòa giải do Tòa án lập ngày 12/7/2022, bị đơn đã xác định có vay nợ nguyên đơn nhiều lần tổng cộng là 130.000.000 đồng nhưng bị đơn cho rằng vay nợ từ năm 2021 và sau đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn ký tên vào các giấy nợ ghi năm 2022. Đồng thời, trong các giấy nợ thể hiện lãi suất cho vay là 2%/tháng là không đúng mà lãi suất nguyên đơn cho vay là 10%/tháng và đã đóng lãi cho nguyên đơn tổng cộng là 10 tháng với số tiền là 130.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận. Bị đơn xác định khi trả tiền lãi cho nguyên đơn không có lập biên bản giao nhận tiền, không ai làm chứng cho việc trả tiền

lãi và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ thể hiện nguyên đơn cho vay với lãi suất là 10%/tháng nên căn cứ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định, nguyên đơn cho bị đơn vay lãi suất là 2%/tháng là có căn cứ. Tuy nhiên, nguyên đơn thừa nhận có nhận 02 tháng tiền lãi của bị đơn thanh toán lãi suất 2%/tháng thành tiền là 5.200.000 đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì “...*lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*...”. Như vậy lãi suất cho vay là 1,66%/tháng, nguyên đơn nhận lãi suất của bị đơn là 2%/tháng vượt 0,34% nên Hội đồng xét xử phải điều tiết số tiền lãi vượt và được cộng vào phần tiền gốc như sau: $(130.000.000 \text{ đồng} \times 2\%/\text{tháng}) - (130.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng}) = 442.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 884.000 \text{ đồng}$. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét yêu cầu đòi nợ của bà H1 là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bị đơn bà Mai Cẩm H có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc còn nợ sau khi trừ đi phần tiền lãi vượt quy định là 129.116.000 đồng (130.000.000 đồng – 884.000 đồng).

[4]. Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn:

[4.1]. Trong Đơn khởi kiện, quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên yêu cầu tính lãi suất của số nợ gốc sau khi trừ phần tiền lãi vượt quy định, tạm tính từ ngày 25/4/2022 đến ngày xét xử 04/8/2022 với mức lãi suất là 1,66%/tháng là 03 tháng 10 ngày như sau: $129.116.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng}, 10 \text{ ngày}$, thành tiền là 7.144.420 đồng.

[4.2]. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bà Mai Cẩm H còn nợ nguyên đơn tổng cộng gốc và lãi nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa nên xét thấy ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được ghi nhận. Buộc bị đơn bà Mai Cẩm H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim H1 số tiền gốc và lãi còn nợ tổng cộng là 136.260.420 đồng.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn bà Mai Cẩm H chịu án phí theo quy định pháp luật. Do bà H1 được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H1 đối với bị đơn bà Mai Cẩm H về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Mai Cẩm H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim H1 số tiền gốc, lãi còn nợ là 136.260.420 đồng (*bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi ngàn bốn trăm hai mươi đồng*). Trong đó, nợ gốc là 129.116.000 đồng, nợ lãi là 7.144.420 đồng

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Mai Cẩm H phải chịu là 6.813.021 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu tám trăm mười ba ngàn không trăm hai mươi một đồng*).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thới